

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **237/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/12/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm.

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1990

ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu dân cư Tr, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Mạc Đức T**, sinh năm 1987

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Tr, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Hàn Quốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu dân cư Tr, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng : Bà Nguyễn Thị B1 (tức Th),

Địa chỉ: Khu dân cư Tr, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Mạc Đức T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, thị xã CL (nay là phường TD, thành phố CL), tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng mẹ chồng, đến cuối năm 2016 để phát triển kinh tế gia đình, anh T sang Singapore lao động. Đến tháng 3/2017, chị gửi con nhờ bà ngoại chăm và sang Singapore làm ăn với mong muốn hai vợ chồng được ở gần nhau, cùng làm ăn vun vén kinh tế gia đình. Khi sang đến nơi, hai vợ chồng mỗi người làm một chỗ khác nhau, không ở cùng nhau. Đến khoảng tháng 4/2017, anh T về nước, còn chị vẫn tiếp tục ở lại Singapore làm ăn, khoảng vài tháng sau thì anh T lại sang Hàn Quốc làm ăn, từ đó đến nay vẫn chưa về. Kể từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không có sự gắn bó, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Thời gian lao động ở Singapore, chị có vài lần về nước chơi nhưng chỉ về ở cùng bố mẹ đẻ mà không về nhà anh T. Đầu tháng 8/2022, chị về nước thăm gia đình và các con, do thời gian về thăm nhà chỉ được một tháng nên đến tháng 9/2022 chị tiếp tục quay lại Singapore để làm việc. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, xác định không còn tình cảm với anh T, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống riêng. Do đó, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Mạc Hoàng Tú Ch, sinh ngày 01/01/2014 và Mạc Hoàng Khánh L, sinh ngày 04/11/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Nay vợ chồng ly hôn, để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu, chị đề nghị để chị được tiếp tục nuôi cả hai con, ông bà ngoại sẽ hỗ trợ chị chăm sóc các cháu cho đến khi chị về nước và bố mẹ chị cũng nhất trí. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị, hàng tháng chị vẫn gửi tiền về cho mẹ chị để bà chăm nuôi 2 con giúp chị.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn:* Trong quá trình Tòa án làm việc với bà B1, anh T đã gọi điện thoại có hình ảnh trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T trước sự chứng kiến của bà B1 như sau: Anh T xác định về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung như chị T trình bày là đúng. Quan điểm của anh là

anh và chị T đã thống nhất với nhau về việc giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Do đó, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử. Do anh làm việc tại Hàn Quốc nhưng do anh không có chỗ ở ổn định nên không cung cấp được địa chỉ của Tòa án và không về nước được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Các giấy tờ, tài liệu gửi cho anh, đề nghị Tòa án gửi cho mẹ anh để bà thông báo lại cho anh.

** Ý kiến trình bày của bà B1:*

Anh T hiện làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, anh T thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Bà xác định về quan hệ vợ chồng, quan hệ con chung giữa vợ chồng chị T, anh T như chị T trình bày là đúng. Kể từ khi anh T đi Hàn Quốc thì anh T và chị T không còn liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh T, bà đã thông báo cho anh T biết. Quan điểm của anh T nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị T và nhất trí để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung; Vợ chồng anh T, chị T không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

** Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị B:*

Chị T hiện đang làm ăn và sinh sống tại Singapore. Do vợ chồng sống mỗi người một nơi, khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không có sự gắn bó, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Chị T và anh T sống ly thân đã lâu, chị T có tâm sự với bà là anh T đề nghị chị làm thủ tục ly hôn. Bà đã khuyên bảo, hòa giải để hai vợ chồng về chung sống cùng nhau nhưng không có kết quả. Tháng 8/2022 chị T có về nghỉ phép và làm đơn ly hôn gửi Tòa án. Ngày 08/9/2022, chị T lại sang Singapore làm ăn và đề nghị vợ chồng bà hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị và anh T, vợ chồng bà nhất trí.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân &

Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Mạc Đức T.

- Về con chung: Giao con chung Mạc Hoàng Tú Ch, sinh ngày 01/01/2014 và Mạc Hoàng Khánh L sinh ngày 04/11/2015 cho chị Hoàng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh Mạc Đức T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn (Chị T đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Mạc Đức T. Anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Hàn Quốc. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng chị T và gia đình anh T không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã điện qua mạng xã hội xác định hiện anh đang làm việc tại Hàn Quốc, tuy nhiên không cung cấp được địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị T, anh T, bà B, bà B1 đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị T, anh T, bà B, bà B1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Mạc Đức T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, thị xã CL (nay là phường TD, thành phố CL), tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Chị T trong thời gian nghỉ phép về Việt Nam đã có đơn đơn xin ly hôn nhưng do điều kiện công việc, chị T phải trở lại Singapore nên chị T không đến Tòa án để nộp đơn và làm việc với Tòa án, chị T đã có đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền cho bà Vũ Thị Ch giao nhận văn bản tố tụng do Tòa án giao cho chị T. Các đơn của chị T đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường TD nơi chị T đăng ký hộ khẩu thường trú nên các đơn trên là hợp pháp. Anh T có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh T có hai con chung là Mạc Hoàng Tú Ch, sinh ngày 01/01/2014 và Mạc Hoàng Khánh L, sinh ngày 04/11/2015. Hiện nay các con đang ở cùng chị T và ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị T và anh T đều thống nhất giao cả hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông bà ngoại sẽ hỗ trợ chăm sóc các cháu cho đến khi chị T về nước.

Xét đề nghị của chị T và anh T thì thấy: Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị T và ông bà ngoại và đều có nguyện vọng ở cùng chị T và ông bà ngoại nếu bố mẹ ly hôn. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung, quan điểm của chị T và anh T là hợp lý. Chị T hiện đang làm ăn ở Singapore chưa về nước có đề nghị bà B tiếp tục chăm sóc các con chung cho đến khi chị về nước, bà B nhất trí. Do vậy, cần tiếp tục giao con chung Mạc Hoàng Tú Ch, sinh ngày 01/01/2014 và Mạc Hoàng Khánh L, sinh ngày 04/11/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Bà B hỗ trợ chị T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị T về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Mạc Đức T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Mạc Hoàng Tú Ch, sinh ngày 01/01/2014 và Mạc Hoàng Khánh L, sinh ngày 04/11/2015, thời gian từ tháng 12/2022 đến khi các con chung thành niên. Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm chăm sóc các cháu trong thời gian chị T chưa về nước. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị T.

Anh Mạc Đức T được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001665 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T và anh Mạc Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật;

Bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa